

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TTV23B2
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Tiếng anh(4)	Hệ điều hành Windows(2)	Kỹ thuật sử dụng bàn phím(1)	Thiết kế trình diễn trên máy tính(3)	Soạn thảo văn bản điện tử(3)	Điểm TB	Xếp loại
01	2354802034879	Nguyễn Thanh	Điền	21/02/2008	2.0	1.2	0.0	2.7	0.0	1.7	1.1	Yếu
02	2354802034880	Trần Quốc	Huy	10/08/2004	7.0	5.0	8.5	8.7	8.7	8.0	7.3	Khá
03	2354802034881	Nguyễn Thị Trà	My	13/12/2008	8.6	7.1	8.8	9.3	9.2	8.4	8.4	Giỏi
04	2354802034882	Lê Thành	Nam	23/07/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
05	2354802034883	Nguyễn Ngọc	Ngoan	03/01/2008	8.1	4.2	8.7	6.7	9.1	8.4	7.3	Khá
06	2354802034884	Phạm Thái	Nguyên	28/09/2008	7.3	5.2	8.7	8.9	9.5	7.9	7.6	Khá
07	2354802034885	Huỳnh Hữu	Nhân	17/05/2008	8.9	6.5	9.6	8.3	9.4	7.6	8.2	Giỏi
08	2354802034886	Hồ Ngọc	Nhi	29/07/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
09	2354802034887	Lương Thành	Phú	28/01/2008	6.8	4.9	8.6	7.7	8.4	7.5	7.1	Khá
10	2354802034888	Nguyễn Phước	Thái	01/04/2008	8.2	6.8	9.6	8.4	8.1	7.8	7.9	Khá
11	2354802034889	Võ Thiện	Thanh	01/08/2008	2.1	1.4	2.6	3.2	2.3	0.7	1.8	Yếu
12	2354802034890	Lê Quốc	Thành	13/04/2008	7.8	6.4	8.3	6.1	8.2	7.5	7.4	Khá
13	2354802034891	Nguyễn Văn	Thảo	04/10/2008	7.5	5.8	7.9	8.1	8.6	7.5	7.4	Khá
14	2354802034892	Trương Quang	Thịnh	31/01/2008	7.5	3.9	7.9	8.5	9.2	7.8	7.1	Khá
15	2354802034893	Nguyễn Thị Yến	Thoa	07/08/2008	8.8	5.5	9.2	9.7	9.4	8.6	8.1	Giỏi
16	2354802034894	Trần Ngọc Minh	Thơ	20/09/2008	8.7	6.7	8.9	9.9	9.3	8.3	8.3	Giỏi
17	2354802034895	Nguyễn Thị Kiều	Thu	30/06/2008	6.3	5.0	7.8	8.1	8.8	8.8	7.3	Khá
18	2354802034896	Đoàn Thanh	Thuận	22/10/2008	7.7	6.0	7.8	8.3	9.4	7.8	7.7	Khá
19	2354802034897	Lê Hồ Minh	Thư	08/02/2008	5.7	5.7	7.9	8.7	7.8	7.0	6.9	Trung bình
20	2354802034898	Lê Thị Mỹ	Tiên	01/04/2008	6.2	5.2	6.7	8.8	8.4	7.6	6.9	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Tiếng anh(4)	Hệ điều hành Windows(2)	Kỹ thuật sử dụng bàn phím(1)	Thiết kế trình diễn trên máy tính(3)	Soạn thảo văn bản điện tử(3)	Điểm TB	Xếp loại
21	2354802034899	Nguyễn Hữu	Tiến	01/12/2007	7.3	5.6	9.0	9.2	8.8	7.9	7.6	Khá
22	2354802034900	Ngũ Trí	Tín	10/05/2008	5.9	5.0	2.6	8.0	7.1	7.2	5.9	Trung bình
23	2354802034901	Phạm Văn	Tính	12/09/2008	7.8	4.5	7.9	8.2	8.5	7.8	7.1	Khá
24	2354802034902	Nguyễn Thị Bích	Trâm	09/01/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
25	2354802034903	Huỳnh Thị Diễm	Trân	08/11/2008	6.9	4.4	7.3	6.4	8.1	8.6	6.8	Trung bình
26	2354802034904	Phan Phương	Trọng	25/07/2008	2.0	1.2	0.0	3.0	0.0	1.6	1.1	Yếu
27	2354802034905	Mai Hoàng	Tuấn	14/02/2008	7.1	7.5	8.2	8.6	9.2	8.1	8.1	Giỏi
28	2354802034906	Dương Thị Ánh	Tuyết	06/09/2007	8.6	6.8	8.7	9.3	9.3	9.3	8.5	Giỏi
29	2354802034907	Võ Nguyễn Khả	Vi	12/05/2007	7.7	6.3	6.5	8.8	9.1	8.2	7.6	Khá
30	2354802034908	Võ Thị Tường	Vi	27/11/2008	7.6	6.3	6.9	7.8	9.2	8.2	7.6	Khá
31	2354802034909	Nguyễn Huỳnh Thoại	Vy	16/02/2008	8.3	6.3	9.0	8.8	9.2	8.8	8.2	Giỏi
32	2354802034910	Hồ Lư Quý	Xuân	12/07/2004	9.0	6.5	7.9	8.9	9.6	8.6	8.2	Giỏi
33	2354802034911	Tô Kim	Yến	05/12/2008	5.6	5.2	5.8	8.8	8.5	8.4	6.9	Trung bình
34	2354802035243	Nguyễn Thị Nhi	Thanh	07/02/2008	7.3	4.9	8.8	8.4	7.7	8.4	7.2	Khá

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 02 tháng 02 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái